

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 62/2022/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Cửu, ngày 21 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 149, 150, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 85, 87, 88, 89, 90, 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 436/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Anh Nguyễn An B, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Theo lời trình của anh Nguyễn An B và chị Nguyễn Thị Thúy V tại hồ sơ thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: anh chị tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 02/2010, ngày 04 tháng 01 năm 2010. Vợ chồng

chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai nhận thấy không còn tình cảm với nhau, quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất nên hay xảy ra xung đột, cãi vã nhau. Anh chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa. Cả hai đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay anh, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh B và chị V có 03 con chung là cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày 06/9/2013, Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 14/6/2015 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày 18/9/2019. Ly hôn, anh B và chị V thống nhất giao 03 con chung cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh B cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.00.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Về tài sản chung: anh B và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí việc dân sự: anh B, chị V mỗi người phải chịu theo quy định.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải lập ngày 13 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện, bảo đảm quyền lợi chính đáng của chị V, cháu A, cháu T, cháu Q và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3]. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn An B và chị Nguyễn Thị Thúy V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh B và chị V có 03 con chung là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 06/9/2013, Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 14/6/2015 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày 18/9/2019. Ly hôn, anh B và chị V tự nguyện thỏa thuận giao 03 con chung cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh B cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.00.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ

ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Về tài sản chung: anh Nguyễn An B và chị Nguyễn Thị Thúy V không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: anh Nguyễn An B và chị Nguyễn Thị Thúy V mỗi người tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004540 ngày 13/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Anh B và chị V đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và kháng bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND huyện Vĩnh Cửu (02);
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu (01);
- UBND xã P, huyện C (01);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng (02).

THẨM PHÁN
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn